

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 12 năm 2024
V/v: “*Tranh chấp
Hôn nhân và gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hưởng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phẩm và bà Bùi Thị Hảo.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án thụ lý số 159/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024, về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Tr, xã X, huyện A, tỉnh H. (vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu 4, xã P, thành phố V, tỉnh P (Hiện nay đang ở nước ngoài, vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Xuân Đ tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 30/12/2023, tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, thành phố V, tỉnh P. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cãi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng đã cắt đứt liên lạc, không quan tâm gì đến nhau. Đầu năm 2024, anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản sau đó không liên hệ lại với chị, nên vợ chồng không còn quan tâm đến nhau để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh Đ để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Đ không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị H và anh Đ không có tài sản chung, không có quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/10/2024 và biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2024, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967. Địa chỉ: Khu 4, xã P, thành phố V, tỉnh P có quan điểm trình bày như sau: Bà có quan hệ là mẹ đẻ của anh Nguyễn Xuân Đ, bà xác định hiện nay anh Đ đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, đến nay chưa trở về Việt Nam. Anh Đ vẫn liên hệ với bà và gia đình thông qua điện thoại di động, nhưng không cung cấp địa chỉ nên bà không có đề cung cấp cho Tòa án được.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:*

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị căn cứ Điều 51, Điều 56, 123 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Xuân Đ.

Về con chung: Chị H và anh Đ không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị H không đề nghị, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đề nghị giải quyết việc chị xin ly hôn anh Nguyễn Xuân Đ là quan hệ về tranh chấp Hôn nhân và gia đình; anh Đ có nơi đăng ký hộ khẩu trú tại: Xã P, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Trong khi đó, tại văn bản số 21458/QLXNC-P3 ngày 18/9/2024 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp: Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1989, đã xuất cảnh ngày 07/01/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Như vậy, tại thời điểm Chị H nộp đơn và hồ sơ khởi kiện, anh Đ đang ở nước ngoài. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

[2] *Về trình tự thủ tục tố tụng*: Tại văn bản số 21458/QLXNC-P3 ngày 18/9/2024 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp có đủ cơ sở để xác định anh Đ hiện nay đang ở nước ngoài, Toà án không tiến hành hoà giải được, căn cứ quy định tại khoản 2, 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án đã đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án mặc dù được thông báo hợp lệ nhưng anh Đ cũng không cung cấp địa chỉ, nên cần xác định anh Đ giấu địa chỉ; bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của anh Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[3] *Về nội dung vụ án*:

3.1. *Xét đề nghị của chị Nguyễn Thị H xin được ly hôn anh Nguyễn Xuân Đ thấy rằng*: Chị H và anh Đ tự nguyện kết hôn ngày 30/12/2023, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng được hạnh phúc thời gian ngắn thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cãi nhau. Năm 2024, anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, từ đó anh chị không còn quan tâm đến nhau để xây dựng hạnh phúc gia đình. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, tình cảm vợ chồng giữa Chị H và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị H, cho Chị H được ly hôn anh Đ để ổn định cuộc sống.

3.2. *Về con chung*: Chị H và anh Đ không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3.3. *Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Chị H không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 123 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

[2] Xử:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Xuân Đ.

2.2. *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Xuân Đ không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3 *Về tài sản chung; quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Chị H đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000371 ngày 14/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, tuyên án nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trong hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THA tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hán Hưởng